

Số : / PC3I-TC

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
NĂM 2019 SO VỚI NĂM 2018 (SAU KIỂM TOÁN)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội,

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 so với năm 2018 (sau kiểm toán) như sau:

1. Báo cáo tài chính tổng hợp

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 : 18.530.306.167 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 : 26.721.653.592 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 giảm so với năm 2018 là 8.191.347.425 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm 30,65%, cụ thể như sau:

| CHỈ TIÊU | Năm 2019 (1) | Năm 2018 (2) | Chênh lệch | |
|--|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------|
| | | | Giá trị (1)-(2) | Tỷ lệ % (1):(2) |
| 1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV | 98.372.330.448 | 105.993.480.848 | (7.621.150.400) | 92,81% |
| - <i>Doanh thu bán điện</i> | <i>98.372.330.448</i> | <i>105.993.480.848</i> | <i>(7.621.150.400)</i> | <i>92,81%</i> |
| 2. Giá vốn hàng bán | 51.074.880.943 | 49.038.622.792 | 2.036.258.151 | 104,15% |
| - <i>Chi phí bán điện</i> | <i>51.074.880.943</i> | <i>49.038.622.792</i> | <i>2.036.258.151</i> | <i>104,15%</i> |
| 3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV | 47.297.449.505 | 56.954.858.056 | (9.657.408.551) | 83,04% |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 465.587.269 | 673.096.883 | (207.509.614) | 69,17% |
| 5. Chi phí tài chính | 17.859.120.083 | 17.241.757.793 | 617.362.290 | 103,58% |
| 6. Chi phí bán hàng | | | | |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10.834.440.356 | 11.813.078.532 | (978.638.176) | 91,72% |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 19.069.476.335 | 28.573.118.614 | (9.503.642.279) | 66,74% |
| 9. Thu nhập khác | 4.426.539.560 | 89.420.519 | 4.337.119.041 | 4.950,25% |
| 10. Chi phí khác | 4.375.595.060 | 6.791.170 | 4.368.803.890 | 64.430,65% |
| 11. Lợi nhuận khác | 50.944.500 | 82.629.349 | (31.684.849) | 61,65% |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 19.120.420.835 | 28.655.747.963 | (9.535.327.128) | 66,72% |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 590.114.668 | 1.934.094.371 | (1.343.979.703) | 30,51% |
| 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 18.530.306.167 | 26.721.653.592 | (8.191.347.425) | 69,35% |

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2019 giảm 30,65% so với năm 2018 như sau:

Mặc dù PC3-INVEST đã tổ chức công tác vận hành chủ động, an toàn và thực hiện bảo trì các nhà máy thủy điện đúng kế hoạch đảm bảo sẵn sàng vận hành đúng công suất thiết kế, nhưng do thời tiết khu vực miền Trung biến đổi bất thường, khô hạn kéo dài, thiếu nước để phát điện, đặc biệt tại khu vực NMTĐ Đắk Pône, vì vậy kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

| Nội dung | Năm 2019 | So sánh với kế hoạch năm 2019 | So sánh cùng kỳ năm trước |
|-------------------|----------------|-------------------------------|---------------------------|
| Sản lượng | 77.015.460 kWh | 77,98% | 86,10% |
| - NMTĐ Đắk Pône | 54.284.149 kWh | 90,72% | 82,67% |
| - NMTĐ Đa Krông 1 | 22.731.311 kWh | 58,39% | 95,55% |
| Doanh thu | 98,37 tỷ đồng | 91,64% | 92,81% |
| - NMTĐ Đắk Pône | 63,26 tỷ đồng | 100,94% | 89,72% |
| - NMTĐ Đa Krông 1 | 35,11 tỷ đồng | 78,60% | 98,96% |

Bên cạnh đó, do sản lượng điện thương phẩm của nhà máy thủy điện Đa Krông 1 giảm thấp hơn thiết kế nên PC3-INVEST phải thay đổi phương pháp tính khấu hao (từ phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm sang phương pháp khấu hao theo đường thẳng), yếu tố này làm tăng chi phí và giảm lợi nhuận của PC3-INVEST trong năm 2019.

2. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 : - 9.783.165.366 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 : -11.861.456.861 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 giảm lỗ hơn so với năm 2018 là 2.078.291.495 đồng, tương ứng tỷ lệ giảm lỗ 17,52%, cụ thể như sau:

| CHỈ TIÊU | Năm 2019 (1) | Năm 2018 (2) | Chênh lệch | |
|---|------------------------|-------------------------|----------------------|-----------------|
| | | | Giá trị (1)-(2) | Tỷ lệ % (1):(2) |
| 1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV | | | | |
| 2. Giá vốn hàng bán | | | | |
| 3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV | | | | |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | 465.564.094 | 673.096.883 | (207.532.789) | 69,17% |
| 5. Chi phí tài chính | 7.592.694 | 93.008.442 | (85.415.748) | 8,16% |
| 6. Chi phí bán hàng | | | | |
| 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 9.654.826.098 | 10.590.080.280 | (935.254.182) | 91,17% |
| 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD | (9.196.854.698) | (10.009.991.839) | 813.137.141 | 91,88% |
| 9. Thu nhập khác | 4.379.399.060 | 89.420.519 | 4.289.978.541 | 4.897,53% |
| 10. Chi phí khác | 4.375.595.060 | 6.791.170 | 4.368.803.890 | 64.430,65% |
| 11. Lợi nhuận khác | 3.804.000 | 82.629.349 | (78.825.349) | 4,60% |
| 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (9.193.050.698) | (9.927.362.490) | 734.311.792 | 92,60% |
| 13. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 590.114.668 | 1.934.094.371 | (1.343.979.703) | 30,51% |
| 14. Lợi nhuận sau thuế TNDN | (9.783.165.366) | (11.861.456.861) | 2.078.291.495 | 82,48% |

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT,TC, đăng web.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**